

Số: /2025/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 257/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 250/BC-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ chín, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:


a) Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo;

b) Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn;


c) Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn;

d) Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên;

đ) Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV,
Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.* 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Nội vụ (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý
vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương
đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH

Một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên (bao gồm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ công chức, viên chức sau sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị).

Trường hợp các chương trình/đề án/dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của chương trình/đề án/dự án đó. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh và xã, phường (sau đây gọi là cấp xã);

b) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi đào tạo công chức trong nước

1. Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo: Theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi công chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

2. Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: Căn cứ khả năng ngân sách được giao, căn cứ vào chứng từ, hóa đơn hợp pháp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét quyết định mức chi hỗ trợ.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình đối với các nội dung:

a) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho công chức trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): Các khoản chi không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

b) Chi hỗ trợ các công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

Điều 3. Nội dung và mức chi bồi dưỡng công chức trong nước

1. Các nội dung chi do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng công chức, giao nhiệm vụ biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng thực hiện.

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng công chức quyết định mức chi tiền công cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng, một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao.

a1) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy; Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương (không là Ủy viên Trung ương Đảng): Mức chi tối đa 4.000.000 đồng/người/buổi;

a2) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giáo sư; tiến sỹ khoa học; chuyên gia cao cấp: Mức chi tối đa 3.200.000 đồng/người/buổi;

a3) Giảng viên, báo cáo viên là Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Cục trưởng loại 2, Vụ trưởng, Viện trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ban, cơ quan Đảng Trung ương, bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phó giáo sư; giảng viên cao cấp: Mức chi tối đa 2.800.000 đồng/người/buổi;

a4) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Phó Cục trưởng loại 2, Phó Vụ trưởng, Phó Viện trưởng, Phó Chánh Văn phòng, cấp phó các cơ quan, đơn vị thuộc Ban, cơ quan Đảng Trung ương, bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tiến sỹ; giảng viên chính: Mức chi tối đa 2.400.000 đồng/người/buổi;

a5) Giảng viên, báo cáo viên là cấp phó các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Bí thư Đảng ủy cấp xã; Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thạc sỹ, giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: Mức chi tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi;

a6) Giảng viên, báo cáo viên là Trưởng phòng thuộc các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Phó Trưởng phòng trực thuộc các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng cấp xã: Mức chi tối đa 1.600.000 đồng/người/buổi;

a7) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức còn lại (ngoài các đối tượng nêu trên): Mức chi tối đa 1.200.000 đồng/người/buổi;

a8) Đối với giảng viên, báo cáo viên thuộc nhiều nhóm đối tượng thì áp dụng mức chi thù lao cao nhất. Đối với các giảng viên, báo cáo viên có chức danh tương đương với các nhóm giảng viên, báo cáo viên đã được quy định cụ thể nêu trên được hưởng mức chi thù lao tương ứng;

a9) Trợ giảng là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương, địa phương: Tùy theo khả năng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị mình, trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của trợ giảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định mức chi tiền công tối đa không quá 50% mức chi tiền công giảng viên, báo cáo viên của cùng một buổi giảng;

a10) Riêng đối với các giảng viên cơ hữu làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thì số giờ giảng trong chương trình đào tạo vượt định mức được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp học do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn được hưởng theo chế độ tiền công theo quy định.

b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, báo cáo viên: Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các lớp bồi dưỡng công chức quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, báo cáo viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên: Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND.

d) Chi tiền ăn, thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại đối với trợ giảng: Đối với các khóa bồi dưỡng công chức yêu cầu có trợ giảng, tùy theo mức độ cần thiết, thủ trưởng cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định số lượng trợ giảng và được chi tiền ăn, thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại đối với trợ giảng trong phạm vi dự toán của cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND.

đ) Chi dịch thuật: Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

e) Chi giải khát giữa giờ phục vụ lớp học: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức chi tối đa không quá mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND.

g) Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi

g1) Đối với mức chi ra đề thi: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định áp dụng mức chi tối đa không quá 80% mức chi ra đề thi quy định tại mục B, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông; Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý (riêng tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận; tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm áp dụng tối đa không quá 80% mức chi thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh).

g2) Đối với mức chi coi thi, chấm thi: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định áp dụng tối đa không quá 80% mức chi ra đề thi quy định tại mục A, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND.

g3) Riêng đối với các giảng viên cơ hữu làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện quy đổi thời gian giảng dạy tại các lớp đào tạo, bồi dưỡng ra giờ chuẩn theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định

của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

h) Chi phí tổ chức đi khảo sát, thực tế theo yêu cầu của chương trình đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành

h1) Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế;

h2) Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ không quá mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí bồi dưỡng được giao;

h3) Chi tiền công, phụ cấp tiền ăn, phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên; chi nước uống; chi dịch thuật phục vụ khảo sát, thực tế (nếu có) theo quyết định đi khảo sát, thực tế của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan tổ chức lớp bồi dưỡng công chức: Thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản này.

i) Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng

Chi công tác phí cho cán bộ quản lý lớp của cơ sở đào tạo (nếu có); chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có) và các khoản chi khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học (nếu có).

Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ quan tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng được phép trích tối đa không quá 10% trên tổng kinh phí của mỗi lớp học và được tính trong phạm vi nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được phân bổ để chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng;

Kinh phí phục vụ quản lý lớp học không chi hết, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan tổ chức lớp bồi dưỡng được chủ động sử dụng cho các nội dung khác có liên quan phục vụ nhiệm vụ bồi dưỡng công chức. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan tổ chức lớp bồi dưỡng có trách nhiệm quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ về định mức chi quản lý và sử dụng khoản kinh phí quản lý lớp học đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước.

k) Chi hỗ trợ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng các khoản: Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND.

2. Các nội dung chi do cơ quan, đơn vị cử công chức đi bồi dưỡng thực hiện

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình đối với các nội dung:

a) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho công chức trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ).

Các khoản chi hỗ trợ trên không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND.

Cơ quan, đơn vị quản lý công chức không chi hỗ trợ tiền chi phí đi lại và tiền thuê chỗ nghỉ đối với các trường hợp là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố đã được cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng chi hỗ trợ. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đã được ngân sách đầu tư xây dựng phòng nghỉ phải có trách nhiệm bố trí chỗ nghỉ cho học viên ở xa đối với những lớp được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ và phân bổ kinh phí thực hiện; không được thu thêm khoản tiền phòng nghỉ của học viên;

b) Chi hỗ trợ các công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia bồi dưỡng theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

3. Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhưng không có cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, không đủ điều kiện tự tổ chức lớp phải cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác thì cơ quan, đơn vị thanh toán cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở hợp đồng ký kết giữa hai bên theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Trường hợp không đủ điều kiện hoặc không lựa chọn được đơn vị thực hiện dịch vụ thì cơ quan, đơn vị quyết định hỗ trợ trực tiếp cho công chức được cử đi học các khoản học phí, tiền mua giáo trình, tài liệu học tập bắt buộc và các khoản chi phí bắt buộc khác phải trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo thông báo, hóa đơn, chứng từ của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 4. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập; căn cứ nội dung, mức chi đào tạo bồi dưỡng quy định tại Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC và nội dung, mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức quy định tại Điều 2, Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng công chức theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức; đóng góp của công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức đóng góp, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Trường hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo các chương trình/đề án/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn kinh phí thực hiện theo các chương trình/đề án/dự án đó.

4. Các cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập chủ động bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác để hỗ trợ cho công chức, viên chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

5. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng các đối tượng khác áp dụng Nghị quyết này do cá nhân, nguồn kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng, công chức, viên chức được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, thì khuyến khích vận dụng mức chi đào tạo, bồi dưỡng, công chức, viên chức quy định tại Nghị quyết này nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp cần có mức chi cao hơn thì cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng quyết định phù hợp khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

2. Các cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với đối tượng cán bộ; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố theo quy định của cấp có thẩm quyền được áp dụng quy định tại Nghị quyết này.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2025 đã mở lớp nhưng chưa kết thúc lớp đào tạo, bồi dưỡng hoặc đã thực hiện xong thủ tục ký kết với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo nguồn kinh phí được giao trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn./.